

Số: 1277/QĐ-CHK

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án “Nâng cao chỉ số đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Cục Hàng không Việt Nam”

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng cạnh tranh quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2016 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Cục Hàng không Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án Nâng cao chỉ số đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của Cục Hàng không Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng Phòng Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./¹⁰³

Noi nhân:

- Như Điều 3;
 - Các PCT (để biết);
 - Lưu: VT, PC (*Lix2*)



Lai Xuân Thành

**ĐỀ ÁN NÂNG CAO CHỈ SỐ ĐÁNG GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ KINH
DOANH CỦA CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1277/QĐ-CHK ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam)

**I. GIỚI THIỆU VỀ PHƯƠNG PHÁP MEI DO VCCI BAN HÀNH
VÀ ĐÁNH GIÁ**

MEI (Ministerial Effectiveness Index) là chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xây dựng dựa trên sự đánh giá thường niên của hơn 400 hiệp hội đại diện cho gần 500.000 doanh nghiệp và các ngành nghề thuộc các thành phần kinh tế của Việt Nam.

Hoạt động này của VCCI được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2353/VPCP-PL ngày 18/4/2011 và MEI được kỳ vọng là một trong những công cụ quan trọng giúp Nhà nước, xã hội, các Bộ nhận biết về thực trạng hoạt động pháp luật kinh doanh từ đó có những biện pháp thích hợp nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục các hạn chế trong hoạt động của mình.

Thành phần của MEI là các tiêu chí trực tiếp phản ánh chất lượng của các hoạt động trong quy trình xây dựng và thi hành pháp luật.

Từ năm 2011 đến nay VCCI đã tiến hành 03 đợt đánh giá MEI của các Bộ, Ngành: Năm 2011, Năm 2012 và Năm 2014. Mỗi năm VCCI đưa ra một bộ chỉ số thành phần khác nhau để đánh giá chỉ số MEI (các chỉ tiêu thành phần của từng năm cũng khác nhau).

Năm 2014, bộ chỉ số này gồm 2 Chỉ số: (A) Xây dựng pháp luật và (B) Thi hành pháp luật. Mỗi Chỉ số bao gồm các Chỉ số thành phần: A1, A2, B1, B2, B3(giữ nguyên các chỉ số thành phần so với năm 2012). Mỗi Chỉ số thành phần bao gồm một hoặc một số tiêu chí (thay đổi so với năm 2012 theo xu hướng giảm bớt các chỉ tiêu). Cụ thể:

Mã	Chỉ số/Chỉ số thành phần/Tiêu chí – Điểm tối đa
A	Xây dựng pháp luật
A1	<i>Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật (100)</i> A1.1. Sự cần thiết của VBQPPL (15) A1.2. Hình thức lấy ý kiến (10)

	A1.3. Dự thảo lấy ý kiến(15) A1.4. Thông tin cung cáo khi lấy ý kiến (15) A1.5. Thời hạn để góp ý (10) A1.6. Cách thức tiếp thu ý kiến (20) A1.7. Lấy ý kiến VCCI (15)
A2	<i>Chất lượng văn bản quy phạm pháp luật (100)</i> A2.1. Tính minh bạch (25) A2.2. Tính thống nhất-khả thi- công bằng (50) A2.3. Tính hợp lý (25)
B	Thi hành pháp luật
B1	<i>Công khai thông tin và tuyên truyền, phổ biến pháp luật (100)</i> B1.1. Loại thông tin cung cấp (35) B1.2. Cách thức lấy thông tin (35) B1.3. Hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật (30)
B2	<i>Tổ chức thi hành pháp luật (100)</i> B2.1. Các hoạt động thi hành pháp luật cơ bản (50) B2.2. Hướng dẫn thi hành VBQPPL (25) B2.3. Trách nhiệm giải trình(25)
B3	<i>Rà soát, kiểm tra, tổng kết thi hành pháp luật (100)</i> B3.1. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm của cán bộ Nhà nước (30) B3.2. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm của doanh nghiệp(30) B3.3. Phát hiện điều chỉnh bất cập về pháp luật (40)

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VBQPPL VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT THEO CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA MEI

2.1. Nâng cao chất lượng xây dựng VBQPPL

2.1.1. Nâng cao chỉ số soạn thảo VBQPPL

Giải pháp:

- Mỗi văn bản khi soạn thảo VBQPPL cần phải được đánh giá “Sự cần thiết ban hành”. Chỉ cần thiết phát sinh VBQPPL điều chỉnh trong trường hợp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội, có vấn đề mới phát sinh mà cần phải có quy định điều chỉnh, hoặc để giải quyết bất cập đang tác động xấu đến đời sống kinh tế xã hội. VBQPPL được soạn thảo phải đảm bảo cân bằng cả lợi ích của doanh nghiệp, người dân và duy trì cạnh tranh lành mạnh và trật tự xã hội.

- Lấy ý kiến đối với Dự thảo VBQPPL: việc lấy ý kiến là thực chất, cầu thị chứ không phải làm qua loa, chiêu lệ, thông tin.

+ Hình thức lấy ý kiến phải đa dạng: Hội thảo, tọa đàm; lấy ý kiến trên Website của Cục; gửi Công văn xin ý kiến; hình thức khác (gửi email xin ý kiến, mời họp Tổ biên tập, họp với các cơ quan thẩm định, thẩm tra...);

+ Thông tin cung cấp khi lấy ý kiến: Phải cung cấp đầy đủ các thông tin cho đối tượng lấy ý kiến bao gồm: Dự thảo; danh mục những vấn đề cơ bản cần xin ý kiến; các tài liệu khác (ví dụ tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động...);

+ Đối tượng lấy ý kiến: Các cá nhân, tổ chức chịu sự tác động của VBQPPL.

+ Thời hạn lấy ý kiến: Cơ quan soạn thảo phải đánh giá thời hạn lấy ý kiến là khoảng thời gian mà đối tượng lấy ý kiến có thể nghiên cứu thâu đáo dự thảo với tinh thần khẩn trương, tích cực và đưa ra được ý kiến với ít nhất là các vấn đề liên quan.

- Tiếp thu ý kiến: Trên tinh thần cầu thị phải nghiên cứu và tiếp thu ý kiến của đối tượng lấy ý kiến, nếu không tiếp thu ý kiến thì phải có giải trình bằng văn bản.

- Phải công khai Dự thảo cuối cùng trước khi trình ban hành thể hiện sự cầu thị và minh bạch cao của cơ quan soạn thảo.

2.1.2. *Nâng cao chỉ số chất lượng VBQPPL*

Giải pháp:

Nội dung VBQPPL phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Minh bạch trong quy định về quyền và nghĩa vụ: rõ ràng, chặt chẽ trong các quy định về quyền và nghĩa vụ, đối với cả doanh nghiệp và cả cơ quan Nhà nước,

- Minh bạch trong quy định về thủ tục: rõ ràng trong các quy định trình tự, thủ tục, chi phí (thời gian, phí, lệ phí).

- Minh bạch trong quy định về điều kiện: rõ ràng, chặt chẽ, không tạo ra cơ hội cho những nhiễu, tham nhũng.

- Tuân thủ với các văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn.

- Không mâu thuẫn giữa các quy định trong bản thân văn bản đó không và không mâu thuẫn với các văn bản pháp luật khác.

- Tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Có khả năng được thực hiện trên thực tế bởi cả doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước (điều kiện về tổ chức, nhân lực, vật lực) và công bằng (không phân biệt đối xử bất hợp lý).

- Đơn giản hóa được các điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, giảm chi phí thực thi cho cả doanh nghiệp và Nhà nước.

- Không đưa ra những quy định bất hợp lý.

- Đảm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp một cách hợp lý.

2.2. Nâng cao chất lượng thi hành pháp luật

2.2.1. Nâng cao chỉ số công khai thông tin, tuyên truyền và phổ biến pháp luật

Giải pháp:

- Phải công khai các loại thông tin sau theo trách nhiệm quản lý nhà nước về chuyên ngành:

- + VBQPPL chuyên ngành.
- + Nội dung thủ tục hành chính (biểu mẫu, quy trình...) lĩnh vực hàng không.
- + Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn/ Định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành.
- + Kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực hàng không.
- + Công văn hướng dẫn/giải quyết vướng mắc trong thi hành các quy định trong lĩnh vực hàng không.
- Hình thức công khai thông tin: Tìm trên website của Cục; gửi Công văn, email; cung cấp thông tin trực tiếp tại nơi làm thủ tục hành chính.
- Đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, ví dụ:
 - + Khóa học, đào tạo, hội thảo, tọa đàm... ;
 - + Ân phẩm (tờ rơi, cầm nang, sách tham khảo...) ;
 - + Phương tiện truyền thông (báo chí, truyền hình);
 - + Hình thức Khác (tổ chức thi, viết bài tìm hiểu ...) .

2.2.2. Nâng cao chỉ số tổ chức thi hành pháp luật

Giải pháp: Tổ chức thi hành pháp luật là một mảng hoạt động rất lớn và phức tạp, bao gồm nhiều hoạt động cụ thể, và vì vậy việc đánh giá mảng này cũng đòi hỏi phải bao quát được tối đa các hoạt động này để có thể đưa ra cái nhìn gần nhất với toàn cảnh thực tế.

Các hoạt động thi hành pháp luật cơ bản bao gồm:

- + Xây dựng và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành;
- + Thực hiện các thủ tục hành chính;
- + Kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp;
- + Giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- + Các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý chung của các cơ quan, đơn vị.

Đây là các hoạt động nhằm trực tiếp triển khai các trách nhiệm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật và đảm bảo năng lực thực hiện từ phía cơ quan Nhà nước, do vậy để nâng cao chỉ số này cần nâng cao đồng bộ chất lượng của tất cả các hoạt động thi hành pháp luật kể trên.



- Ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành VBQPPL;
- Phải có sự phản ứng nhanh nhạy, kịp thời và hợp lý đối với những vấn đề lớn phát sinh bất ngờ hoặc tuy có dự kiến trước nhưng quy mô vượt ngoài suy đoán và có ảnh hưởng lớn đến một bộ phận dân cư, doanh nghiệp.

2.2.3. Nâng cao chỉ số rà soát, kiểm tra, tổng kết thi hành pháp luật

Giải pháp:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động theo dõi, kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của cán bộ thuộc Cục, các đơn vị trực thuộc Cục trong quá trình thi hành VBQPPL;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý vi phạm của doanh nghiệp trong quá trình thi hành VBQPPL;

- Không chỉ tập trung vào việc xây dựng VBQPPL và thi hành pháp luật, các cơ quan soạn thảo thường xuyên rà soát hệ thống pháp luật còn phù hợp với thực tiễn hay không để điều chỉnh kịp thời các bất cập của văn bản, làm cho pháp luật thực sự gắn liền với thực tiễn, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VBQPPL VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT CỦA CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM BẰNG CHỈ SỐ MEI

3.1. Chỉ số thành phần và thang điểm đánh giá

Cục HKVN dựa trên bộ chỉ số năm 2014 của VCCI để xây dựng các chỉ tiêu thành phần áp dụng đối với Cục HKVN vì các lý do: Thời gian đánh giá của VCCI là gần nhất với thời điểm hiện tại; các chỉ tiêu thành phần phù hợp để xây dựng mục tiêu, giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật của Cục HKVN.

Bộ chỉ số MEI của Cục HKVN cụ thể tại Phụ lục đính kèm.

Tổng điểm đánh giá là 500; điểm đánh giá của mỗi chỉ số thành phần là 100. Điểm đánh giá bằng phương pháp lấy ý kiến các cơ quan soạn thảo và ý kiến của Hội đồng đánh giá MEI; thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần theo Phụ lục đính kèm.

3.2. Phương pháp đánh giá:

- Các Phòng, Văn phòng và Thanh tra hàng không (sau đây gọi tắt là các Phòng), các Cảng vụ hàng không tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng và thi hành pháp luật về kinh doanh của mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Điểm các Phòng, các Cảng vụ hàng không tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục kèm theo.

- Điểm đạt được: do Hội đồng thẩm định Chỉ số MEI hàng năm của Cục HKVN xác định, được thể hiện tại cột “Điểm đạt được”

- Chỉ số MEI được xác định bằng tỷ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa”.

Mỗi Chỉ số bao gồm nhiều Chỉ tiêu, với điểm số tổng cộng là 100 điểm. Điểm số của mỗi Chỉ tiêu trong tổng điểm của Chỉ số được xác định tương ứng với trọng số/mức quan trọng của Chỉ tiêu đó trong tương quan với các Chỉ tiêu khác trong Chỉ số.

Các Phòng khi tự chấm điểm về từng chỉ tiêu sẽ lựa chọn đánh giá hiệu quả hoạt động của các Phòng ở một trong 05 thang bậc nói trên (bằng cách đánh dấu lựa chọn hoặc ghi số biểu diễn lựa chọn, tùy theo thiết kế từng câu hỏi).

3.3. Các cơ chế để hình thành các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện các hoạt động xây dựng VBQPPL và thi hành pháp luật

3.3.1. Cơ quan soạn thảo thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng VBQPPL và lấy ý kiến thẩm định của Phòng Pháp chế về Đề cương chi tiết, Hồ sơ trình Dự thảo văn bản trước khi trình lãnh đạo Cục ký văn bản trình Bộ, trình Bộ Hồ sơ trình văn bản trước ngày 20 của tháng phải trình

*** Hồ sơ trình Bộ Dự thảo Luật, Pháp lệnh**

a) Dự thảo Tờ trình Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự án, dự thảo;

b) Dự thảo văn bản;

c) Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án, dự thảo; báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án, dự thảo;

đ) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo, nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;

e) Dự thảo văn bản quy định chi tiết và tài liệu khác (nếu có);

g) Báo cáo thẩm định của Phòng Pháp chế.

*** Hồ sơ trình Bộ dự thảo Nghị định**

a) Dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự thảo nghị định;

b) Dự thảo nghị định;

c) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

d) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo, nếu trong dự thảo có quy định, thủ tục hành chính; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;

đ) Tài liệu khác (nếu có);

e) Báo cáo thẩm định của Phòng Pháp chế.

*** Hồ sơ trình Bộ Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

- a) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng ban hành Quyết định;
- b) Dự thảo quyết định đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định;
- c) Báo cáo thẩm định của Phòng Pháp chế;
- d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo quyết định;
- đ) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- e) Tài liệu khác (nếu có).

*** Hồ sơ trình Bộ ban hành Thông tư**

- a) Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư.
- b) Dự thảo thông tư.
- c) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
- d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo.
- đ) Báo cáo đánh giá tác động; bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật giao quy định thủ tục hành chính; báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có).
- e) Tài liệu khác (nếu có).

3.3.2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Cục theo dõi, rà soát và hàng tháng trước ngày 20 cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cục về tình hình, tiến độ xây dựng VBQPPL, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật:

- + Đối với văn bản quy phạm pháp luật là luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nội dung báo cáo bao gồm:
 - a) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy phạm pháp luật cần được ban hành để hướng dẫn luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
 - b) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã được soạn thảo, ban hành đúng tiến độ;
 - c) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ chưa được soạn thảo, ban hành hoặc ban hành chậm tiến độ; lý do văn bản chưa được soạn thảo, ban hành hoặc ban hành chậm tiến độ;

d) Tình hình tổ chức thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải: tổ chức giao nhiệm vụ, tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và các công tác khác;

đ) Đề xuất, kiến nghị; thuận lợi, khó khăn; bất cập của quy định pháp luật về nội dung, trình tự thủ tục; nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của đối tượng thi hành; công tác tổ chức thi hành pháp luật.

+ Đối với văn bản quy phạm pháp luật là thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, thông tư liên tịch, thông tư của các Bộ khác ban hành nhưng có liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải, nội dung báo cáo bao gồm:

a) Tình hình tổ chức thực hiện thông tư thuộc trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải: tổ chức giao nhiệm vụ, tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và các công tác khác;

b) Đề xuất, kiến nghị; thuận lợi, khó khăn; bất cập của quy định pháp luật về nội dung, trình tự thủ tục; nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của đối tượng thi hành; công tác tổ chức thi hành pháp luật.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016 – 2020:

1. Phòng Pháp chế

a) Phối hợp với các Phòng, các Cảng vụ hàng không thực hiện các nhiệm vụ tại Mục II và Mục III.

b) Chủ trì theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ tại Mục II và Mục III và báo cáo lãnh đạo Cục trong trường hợp cần chỉ đạo.

c) Tổ chức chức tập huấn, bồi dưỡng cho công chức về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số MEI.

d) Theo dõi, đôn đốc các Phòng triển khai kế hoạch xác định Chỉ số MEI của Cục hàng năm.

d) Triển khai hướng dẫn, đánh giá việc xác định Chỉ số MEI của Cục HKVN từng năm.

e) Tổng hợp, xử lý số liệu để xác định Chỉ số MEI và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả Chỉ số MEI.

2. Các Phòng thuộc Cục (cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL, cơ quan thi hành pháp luật):

a) Chủ trì thực hiện các nội dung xây dựng và thi hành pháp luật tại mục Mục II và Mục III theo chức năng, nhiệm vụ được Lãnh đạo Cục phân công.

b) Hàng năm tự đánh giá mức độ thực hiện chỉ số MEI của cơ quan, đơn vị mình theo mẫu tại Phụ lục đính kèm.

3. Phòng Tổ chức cán bộ

Trình Cục trưởng quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số MEI của Cục HKVN.

Phụ lục

BẢNG ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ ĐÁNG GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CỦA CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (MEI INDEX)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4/QĐ-CHK ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam)

Mã	Chỉ số/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Điểm tối đa	Tỷ lệ đánh giá	Hội đồng đánh giá MEI đánh giá	Chỉ số MEI
A	Xây dựng pháp luật				
	Sоạn thảo văn bản quy phạm pháp luật	100			
A1	A1.1. Sự cần thiết của VBQPL	15			
	Tất cả các VBPL đều là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội	15			
	Phản lớn các VBPL là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội	10			
	Khoảng mội nửa số VBPL là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội	7			
	Chỉ một số ít VBPL là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội	2			
A1.2.	Hình thức lấy ý kiến	10			
	<i>Hội thảo, tọa đàm</i>	2			
	<i>Gửi Công văn xin ý kiến</i>	3			
	<i>Lấy ý kiến trên Website của Cục</i>	2			
	<i>Hình thức khác(gửi email xin ý kiến, mời họp Tổ biên tập, họp với các cơ quan thẩm định, thẩm tra...)</i>	3			
A1.3.	Lấy ý kiến về dự thảo cuối cùng trước khi trình ban hành	15			
	<i>Có, trong tất cả các trường hợp</i>	15			
	<i>Có, trong đa số các trường hợp</i>	10			
	<i>Có, trong khoảng một nửa các trường hợp</i>	7			
	<i>Chỉ trong một vài trường hợp</i>	5			

	<i>Hầu như không</i>	0		
A1.4. Thông tin cung cấp khi lấy ý kiến		15		
<i>Dự thảo</i>	7			
<i>Danh mục những vấn đề cơ bản cần xin ý kiến</i>	3			
<i>Các tài liệu khác (ví dụ tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động...)</i>	5			
A1.5. Thời hạn để góp ý	10			
<i>Dù thời gian</i>	10			
<i>Hai ngày</i>	7			
<i>Quá ngắn, không thể góp ý kịp</i>	0			
<i>Không ổn định (Có khi để thời hạn dài, có khi để thời hạn quá ngắn, có khi không quy định thời hạn)</i>	5			
A1.6. Cách thức tiếp thu ý kiến	20			
<i>Tiếp thu ý kiến của doanh nghiệp, nếu không tiếp thu ý kiến của doanh nghiệp thì có giải trình</i>	20			
<i>Tiếp thu một phần ý kiến của doanh nghiệp, các ý kiến khác không tiếp thu nhưng không có giải trình</i>	10			
<i>Không tiếp thu ý kiến nào của doanh nghiệp mà cũng không có giải trình gì</i>	0			
A1.7. Lấy ý kiến VCCI	15			
<i>Có lấy ý kiến</i>	15			
<i>Không lấy ý kiến</i>	0			
A2.1. Tính minh bạch	100			
<i>Chất lượng văn bản quy phạm pháp luật</i>	25			
<i>Hầu hết các quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp</i>	8			
A2	Hầu hết các quy định đều rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của cơ quan Nhà nước	8		
<i>Các quy định về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục hầu hết là rõ ràng</i>	9			
A2.2. Tính thống nhất-khả thi- công bằng	50			

Các quy định hầu hết là không mâu thuẫn, không chồng chéo nhau, không trái với văn bản cấp trên	20		
Các thủ tục, điều kiện hầu hết có thể thực hiện thuận lợi trên thực tế	30		
A2.3. Tính hợp lý	25		
Hầu hết các quy định giúp bảo vệ lợi ích doanh nghiệp, người dân, trật tự xã hội	9		
Hầu hết các quy định không cản trở bất hợp lý quyền tự do kinh doanh.	8		
Hầu hết các thủ tục, điều kiện không làm tăng chi phí bất hợp lý cho doanh nghiệp và Nhà nước	8		
B			
Thi hành pháp luật			
Công khai thông tin và tuyên truyền, phổ biến pháp luật	100		
B1. Loại thông tin cung cấp	35		
<i>VBPPL</i>	10		
Nội dung thủ tục hành chính (biểu mẫu, quy trình...)	10		
Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn/ Định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành	5		
Kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực Hàng không	5		
Công văn hướng dẫn/giải quyết vướng mắc trong thi hành các quy định trong lĩnh vực Cục HKVN quản lý	5		
B1.2. Cách thức cung cấp thông tin	35		
<i>Website của Cục</i>	10		
Gửi Công văn, email cung cấp hoặc chỉ dẫn nơi có thể lấy thông tin	15		
Cung cấp thông tin trực tiếp tại nơi làm thủ tục hành chính	10		
B1.3. Hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật	30		
<i>Khóa học, đào tạo, hội thảo, tọa đàm...</i>	15		
<i>Ấn phẩm (tờ rơi, cẩm nang, sách tham khảo...)</i>	5		
<i>Phương tiện truyền thông (báo chí, truyền hình)</i>	5		

	<i>Khác (tô chúc thi, viết bài tìm hiểu ...)</i>	5		
	<i>Tô chúc thi hành pháp luật</i>	100		
B2.1.	Các hoạt động thi hành pháp luật cơ bản	50		
	<i>Xây dựng và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành</i>	10		
	<i>Thực hiện các thủ tục hành chính</i>	10		
	<i>Kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp</i>	10		
	<i>Giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>	10		
	<i>Các vấn đề khác theo quy định của PL</i>	10		
B2.2.	Hướng dẫn thi hành VBQPPPL	25		
	<i>Đề nghị ban hành Thông tư hướng dẫn</i>	7		
	<i>Đề nghị ban hành Quyết định (của Bộ trưởng) có giá trị áp dụng chung</i>	6		
	<i>Đề nghị hoặc ban hành Công văn có giá trị áp dụng chung</i>	6		
	<i>Hình thức khác</i>	6		
B2.3.	Trách nhiệm giải trình xử lý những bất cập lớn, những vấn đề nóng phát sinh trong thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý	25		
	<i>Rất kịp thời</i>	25		
	<i>Tương đối kịp thời</i>	20		
	<i>Không nhanh nhưng cũng không quá chậm</i>	15		
	<i>Chậm</i>	10		
	<i>Rất chậm</i>	5		
	<i>Rà soát, kiểm tra, tổng kết thi hành pháp luật</i>	100		
B3.1.	Theo dõi, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm của cán bộ Nhà nước	30		
	<i>Có thực hiện và hiệu quả</i>	30		
	<i>Có thực hiện nhưng không hiệu quả</i>	15		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
B3.2.	Theo dõi, kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm của doanh nghiệp	30		

<i>Có thực hiện và hiệu quả</i>	<i>30</i>		
<i>Có thực hiện nhưng không hiệu quả</i>	<i>15</i>		
<i>Không thực hiện</i>	<i>0</i>		
B3.3. Phát hiện điều chỉnh bất cập về pháp luật			
<i>Có rà soát nhưng không phát hiện hoặc phát hiện và đề xuất điều chỉnh</i>	<i>40</i>		
<i>Có rà soát và phát hiện bất cập nhưng không đề xuất điều chỉnh</i>	<i>20</i>		
<i>Không rà soát</i>	<i>0</i>		